**BÀI 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**VĂN BẢN 1: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI**

**TRONG TRUYỆN “ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM”**

----------------

****

**A. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học

- *Đọc hiểu nội dung:* Nhận biết được nội dung mỗi văn bản thể hiện: Tình cảm cảm của nhà văn Đoàn giỏi trong các sáng tác của mình, tình yêu thiên nhiên, thêm tự hào về vẻ đẹp thiện nhiên và trân quí con người, trân quí tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình trong các tác phẩm văn học.

*- Đọc hiểu hình thức*: Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận ( ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của giả.

- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

***2. Về phẩm chất:***Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Bùi Hồng và tác phẩm “Đất rừng phương Nam”.

- Các phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT ….**

**HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu:** Hoạt động nhằm khởi động **-** kích hoạt kiến thức nền,kết nối kiến thức đã biết với bài học. Qua đó tạo sự hứng thú, tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động học tập của học sinh

**b. Nội dung:**- HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi .....

**c. Sản phẩm:**Tất cả HS nắm được nhiệm vụ học tập- chia sẻ được hiểu biết của bản thân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Kết quả cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) Cho hs nghe bài hát về vùng đất phương Nam “ Bài ca đất phương Nam” – Tô Thanh Phương? Lời bài hát gợi cho em nhớ tới văn bản nào? Của ai? Em còn nhớ gì về nhân vật chính trong văn bản đó?  **B2**.HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | -Lời bài hát gợi cho em nhớ tới văn bản “ Người đàn ông cô độc giữa rừng” – tác phẩm “ Đất rừng phương Nam” - Đoàn giỏi  - Nhân vật Võ Tòng- một con người mộc mạc giản dị chân thành cởi mở và có lòng yêu nước |

**HĐ2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I.TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a.Mục tiêu: Sau hoạt động này, HS có thể:**

- Phát biểu được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học và giá trị nhận thức của văn học.

- Xác định được kiến thức cần tìm hiểu trong SGK: Tiếp cận văn bản, các kiến thức Ngữ văn trong mục “ Kiến thức Ngữ văn” để kết nối vào bài học

**b. Nội dung:** HS làm việc với SGK và tham gia trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Sổ tay văn học, vở ghi

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Đặc điểm của văn bản nghị luận văn học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**. Đọc phần “ Kiến thức Ngữ văn” SGK. Hãy chia sẻ những hiểu biết về đặc điểm của nghị luận văn học? Giá trị nhận thức của nghị luận văn học?  **B2**.HS suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời  **B3**.Tổ chức cho HS thuyết trình những nội dung thu thập được.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, khắc sâu kiến thức. | -Đặc điểm của nghị luận văn học  Mục đích: thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học  Nội dung: thường tập trung phân tích vẻ đẹp về nội dung hoặc sự độc đáo về hình thức của tác phẩm văn học |

*Ở lớp 6, HS đã biết về mục đích của VB nghị luận thông qua khái niệm VB nghị luận. Ở đây,mục đích của VB nghị luận là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề cuộc sống hoặc văn học. Nội dung chính của VB nghị luận là một khái niệm mới, GV cần chú ý giải thích khái niệm và cách xác định nội dung chính của VB nghị luận (dựa vào tri thức đọc hiểu trong SGK).*

*Ở lớp 6, HS đã biết về khái niệm ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận và nhận biết các yếu tố này trong những VB nghị luận đơn giản, chỉ có một tầng ý kiến. Tuy vậy, ở một số VB nghị luận cụ thể (đặc biệt là nghị luận văn học), tác giả trình bày ý kiến thành các tầng, bậc, rồi mới triển khai lí lẽ và bằng chứng. Do vậy, để HS có thể đọc hiểu VB nghị luận có hai tầng ý kiến, có thể là khái niệm Ý kiến lớn và ý kiến nhỏ trong VB nghị luận. GV cần kích hoạt kiến thức nền của HS về khái niệm ý kiến, lí lẽ, bằng chứng (đã học trong Ngữ văn 6), sau đó dựa vào phần tri thức đọc hiểu và sơ đồ trong SGK để HS nhận ra khái niệm ý kiến lớn, ý kiến nhỏ.*

**2. Giá trị nhận thức của văn học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) Chia sẻ kiến thức “ Kiến thức Ngữ văn” SGK về giá trị nhận thức của văn học  **B2**.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | Giá trị nhận thức của văn học: tác phẩm văn học không chỉ mang lại cho con người hiểu biết về thiên nhiên con người và cuộc sống xã hội mà còn giúp người đọc hiểu chính mình.  Văn học có giá trị nhận thức là muốn khẳng định tác phẩm văn học mang lại hiểu biết cho người đọc. |

*GV lưu ý hs một số giá trị của tác phẩm văn học như giá trị thẩm mĩ*, *giá trị giáo dục…*

**II. Tìm hiểu chung**

1.Đọc văn bản 1 kết hợp tìm hiểu thông tin theo định hướng trong hộp chỉ dẫn.

2. Trả lời các câu hỏi trong SGK, phần chuẩn bị theo mẫu.

**PHIẾU SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Nhà văn Bùi Hồng** | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **2.Những chú ý khi đọc văn bản nghị luận văn học** |
| Cách đọc |
| Thể loại |
| Phương thức biểu đạt: |
| Bố cục |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc dự án cho phiếu số 1  (1)Nêu hiểu biết của em về tác giả?  (2) Gọi HS đọc đoạn 1 và nêu cách đọc văn bản nghị luận  (3) Văn bản viết theo thể loại gì? PTBĐ của văn bản?  (4) Trình bày bố cục của văn bản?  **B2**.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | 1. Tác giả: Nhà văn: Bùi Hồng ( 1931- 2012) quê ở Hà Tĩnh  2. Tác phẩm:  - Cách đọc: đọc chậm rãi, rõ ràng , chú ý nhấn giọng ở những câu văn nêu dẫn chứng “ ba ba to bằng cái nia....khiêng nổi” Đọc với giọng tha thiết với những dẫn chứng được trích từ tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”  - Thể loại: Nghị luận văn học  - phương thức biểu đạt: Nghị luận  - Bố cục: 3 phần  Phần 1: từ đầu...trẻ em🡪 giới thiệu những nét đặc sắc của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”  Phần 2: tiếp ...vô tận 🡪 nghệ thuật miêu tả cảnh trong Đất rừng phương Nam  Phần 3: còn lại 🡪 nghệ thuật miêu tả con người trong Đất rừng phương Nam |

HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU VĂN BẢN

**III. Tìm hiểu chi tiết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) GV chia nhóm cặp đôi  (1)Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? ( nằm ở nhan đề văn bản)  (2)Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? ( thể hiện khái quát vấn đề nghị luận)  (3)Mục đích của văn bản là gì?  (4) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào  **B2**. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | 1**. Vấn đề nghị luận** trong văn bản:  a. Vấn đề chính: Đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm *Đất rừng phương Nam*.  b. **Mục đích của văn bản:** Cho người đọc thấy được vẻ đẹp của khung cảnh và nghệ thuật miêu tả con người trong tác phẩm. Từ đó, người đọc có được những hiểu biết về con người, thiên nhiên Nam Bộ, khơi gợi sự yêu thích đối với nơi này.  **c. Phương pháp:** để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy  **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng** |

**Tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng**

**PHIẾU SỐ 2 ( GV cho hs làm ở nhà)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| Ý kiến 1: |  |  |
| Ý kiến 2 |  |  |
| Ý kiến 3 |  |  |
| Nhận xét đánh giá |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) GV sử dụng kĩ thuật vấn đáp khi cho hs tìm hiểu đoạn 1- sgk (tìm hiểu ý kiến 1). Còn đoạn 2 và 3 GV cho hs sử dụng KT mảnh ghép để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng – rút ra nhận xét đánh giá  - Chia nhóm lớp.  **Vòng 1**: Nhóm 1,2: tìm hiểu về thiên nhên trong Đất rừng phương Nam  Nhóm 3,4: tìm hiểu về con người trogn Đất rừng phương Nam  **Vòng 2:**  - Tạo nhóm mới  - Giao nhiệm vụ:  Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng 1  Rút ra nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3  - Thời gian: 10 phút  (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn  (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?  (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì?  **GV hỏi thêm để mở rộng vấn đề**  (4) Trong phần 3 tác giả so sánh hai nhân vật ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng. Em hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau của hai nhân vật này?   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | *Ông Hai bán rắn* | *Võ Tòng* | | *Giống* | Đều không có đất, quanh năm ở đợ làm thuê cho địa chủ.  - Đều bị cướp công, cướp người yêu, cướp vợ.  - Đều đánh trả và bị tù. | | | *Khác* | Trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh.  - Kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rắn, lấy mật, săn cá sấu,...  - Gương mặt khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn | - Gây án tự đến nhà việc nộp mình. Mãn hạn tù trở về, con chết, vợ trở thành vợ nhỏ của địa chủ.  - Làm nghề săn bẫy thú.  - Hai hố mắt sâu hoắm, từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy. Chỗ gò má bên phải có năm cái sẹo dài sả xuống từ thái dương vắt đến cổ, như đầu móng cọp cào... |   ***Nhờ có cách so sánh, tác giả đã khắc họa rõ nét hơn đặc điểm của nhân vật trong tác phẩm: hình ảnh ông Hai rắn hiện lên đẹp đẽ, tự do còn chú Võ Tòng hiện lên với tính cách cương trực, mạnh mẽ, dũng cảm và ngoại hình có phần bặm trợn, hung dữ. Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ và qua đó cũng là để khẳng định tài năng của nhà văn Đoàn Giỏi khi xây dựng nhân vật***  **B2**. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức  Chuyển ý: Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã làm rõ được mục đích của văn bản chưa? | **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng** \* Ý kiến 1: Đặc điểm khái quát của *Đất rừng phương Nam* - Nhân vật: thuộc nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề.  - Kết cấu chương hồi kiểu truyền thống: không gian, thời gian rạch ròi, nhân vật thiện ác, trắng đen tách bạch và bộc lộ qua hành động, hình dáng, ngôn ngữ.  *=> Tác giả cho người đọc cái nhìn bao quát về những đặc sắc của tác phẩm.*  ***\* Ý kiến 2: Đặc sắc về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong tác phẩm Đất rừng phương Nam***.   |  |  | | --- | --- | | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. | ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi. | | Đó là cảm giác ngây ngất trước vẻ đẹp rừng U Minh dưới ánh Mặt Trời vàng óng. | Những thân cây tràm vỏ trắng…xanh thẳm không cùng. | | Và nỗi rợn ngợp trước dòng sông Năm Căn | Nước ầm ầm đổ ra biển…như hai dãy trường thành vô tận… | | Ông không nhiều lời, đôi khi chỉ vài ba nét | Những lời nói ngọt nhạt,…lão Ba Ngù. |   => Những bằng chứng cụ thể, giàu hình ảnh, sinh động, làm sáng tỏ lí lẽ, đem đến ngạc nhiên cho người đọc.  🡪 Tác giả đưa ra những nhận định đúng đắn, giúp người đọc hiểu hơn về vẻ đẹp của *Đất rừng phương Nam*. Để làm sáng tỏ lí lẽ của mình, tác giả nêu rõ những dẫn chứng được trích từ trong tiểu thuyết của Đoàn Giỏi. Chắc hẳn phải rất yêu thích, hiểu rõ về tác phẩm, Bùi Hồng mới có thể đưa ra những nhận định xác đáng và dẫn chứng rõ ràng, thuyết phục như vậy.  ***\* Ý kiến 3: Đặc sắc về nghệ thuật miêu tả con người Nam bộ trong tác phẩm Đất rừng phương Nam.***   |  |  | | --- | --- | | Lí lẽ | Bằng chứng | | - Con người Nam bộ được miêu tả với những nét sắc sảo, lạ lùng. | + Những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền thâm đen, căng phồng, bóng mỡ của dì Tư Béo.  + Cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngù. | | - Tác giả khắc họa kĩ lưỡng nhất hai nhân vật: ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng | + Giống nhau:  + Khác nhau |   => Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ. |

Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc cặp đôi  (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích truyện Đất rừng phương Nam) đã học ở Bài 1?  **(2)** Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh như thế nào?  **B2**.HS chia sẻ phần ý kiến của mình với bạn bàn dưới  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | **3. Giá trị nhận thức**  - Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được nội dung và mục đích của cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa ông Hai và chú Võ Tòng trong đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích truyện Đất rừng phương Nam) đã học ở Bài 1  - Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh. Cụ thể: Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã cho em hiểu thêm về đặc điểm thiên nhiên và tính cách con người Nam Bộ vùng châu thổ Cửu Long Giang. Từ đó văn bản khơi gợi trong lòng người đọc tình cảm yêu mến với mảnh đất này. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc cặp đôi  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”?  ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm nghị luận văn học và giá trị nhận thức sau khi học văn bản nghị luận văn học.  (4) Trình bày bố cục của văn bản?  **B2**.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | **III. Tổng kết** 1. Nghệ thuật - Lí lẽ xác đáng, thuyết phục.  - Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.  - Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc.  **2. Nội dung**  Văn bản phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi.  **3. Những lưu ý khi đọc hiều văn bản nghị luận văn học**  - Xác định vấn đề nghị luận  - Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì?  - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?  - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này. |

**3. HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?**

A. Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

B. Kể chuyện về vùng đất phương Nam

C. Miêu tả về vùng đất phương Nam

D. Giới thiệu về nhà văn Đoàn Giỏi

**2. Vì sao văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" là văn bản nghị luận?**

A. Vì văn bản tập trung miêu tả vùng đất phương Nam

B. Vì tác giả kể về cái hay cái đẹp của văn bản “ Người đàn ông cô độc giữa rừng”

C. Vì tác giả giúp người đọc hiểu người đàn ông cô độc là ai

D. Vì tác giả phân tích cái hay về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

**3. Theo em mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì”?**

A. Ca ngợi Võ Tòng

B. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên vùng đất phương Nam

C. Nêu lên cách xây dựng nhân vật của tác giả Đoàn Giỏi

D. Chỉ ra cái hay của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

**4. Người viết đã bày tỏ cảm xúc về tác phẩm qua câu văn nào?**

A. Nhân vật trong Đất rừng phương Nam có nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề như một xã hội thu nhỏ

B. Đoàn Giỏi đã từng viết một loạt sách về các con vật trên rừng dưới biển…

C. Người đọc không chỉ ngạc nhiên mà còn thấm đẫm cảm xúc bởi Đoàn Giỏi là một nhà thơ, một thi sĩ của đất rừng phương Nam.

D. Cả ba ý trên đều đúng

**c) Sản phẩm:**  Câu 1: A; Câu 2: D; Câu 3: D; Câu 4: C

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**4. HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Viết một đoạn văn bày tỏ quan điểm của em khi có ý kiến cho rằng “ Tác giả Bùi Hồng đã phân tích cái hay của tác phẩm Đất rừng phương Nam bằng cách đưa ra được các bằng chứng rất thuyết phục. Em có đồng ý với ý kiến đó không?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết kể/tả về Võ Tòng…

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**VĂN BẢN 2: “VẺ ĐẸP CỦA BÀI THƠ TIẾNG GÀ TRƯA"**

----------------

**A.MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học

- *Đọc hiểu nội dung:* Nhận biết được nội dung mỗi văn bản thể hiện: Tình cảm cảm của nhà văn Đoàn giỏi trong các sáng tác của mình, tình yêu thiên nhiên, thêm tự hào về vẻ đẹp thiện nhiên và trân quí con người, trân quí tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình trong các tác phẩm văn học.

*- Đọc hiểu hình thức*: Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận ( ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của giả.

- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

***2. Về phẩm chất:***Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà nghiên cứu Đinh Trọng Lạc và tác phẩm “Tiếng gà trưa”, “Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh”.

- Các phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT ….**

**HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu:** Huy động kiến thức nền,kết nối kiến thức đã biết với bài học; tạo sự hứng thú, tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động học tập của học sinh.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Món quà bí mật” gồm 4 câu hỏi. Trả lời chính xác câu hỏi, HS được nhận phần quà (Điểm tốt, cộng điểm, tràng pháo tay...)

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời chính xác của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Kết quả cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1** GV tổ chức trò chơi “Món quà bí mật”  ?1 Mục đích chính của nghị luận văn học là gì?  ?2 Nội dung của bài nghị luận văn học là gì?  ?3 Các yếu tố của bài NLVH là gì?  ?4 (Từ một bức tranh) Bức tranh này gợi em nhớ đến bài thơ nào em đã học?  **B2**.HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học | - Mục đích của NLVH: Thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học.  - Nội dung của NLVH: Phân tích vẻ đẹp nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm  - Các yếu tố của bài NLVH: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng  - Bài thơ “Tiếng gà trưa” của tác giả Xuân Quỳnh. |

**HĐ2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. Đọc - Tìm hiểu chung**

**a.Mục tiêu:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức chung về tác giả Đinh Trọng Lạc và tác phẩm “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa” (Xuất xứ, thể loại, PTBĐ, bố cục).

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ tìm hiểu tại nhà theo nhóm 4 người, thảo luận và trả lời Phiếu học tập số 1.

**c. Sản phẩm:** Bản thuyết trình của HS về sản phẩm đã thảo luận tại nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1.** – GV hướng dẫn HS đọc văn bản. Cách đọc: to, rõ ràng, diễn cảm ở những khổ thơ là dẫn chứng trong bài.  - GV giao nhiệm vụ nghiên cứu PHT số 1 ở tiết trước. Mời các nhóm xung phong thuyết trình kết quả.  **B2**. HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu tại nhà.  **B3**. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức. | 1. Tác giả: Nhà nghiên cứu: Đinh Trọng Lạc (1928- 2000) quê ở Hà Nội.  2. Tác phẩm:  a. Xuất xứ: Bài viết được in trong sách “Vẻ đẹp ngôn ngữ văn học qua các bài tập đọc lớp 4, 5”  b. Thể loại: Nghị luận văn học  c. Phương thức biểu đạt: Nghị luận  d. Bố cục: 4 phần  - Phần 1: từ đầu...tuổi thơ🡪 Vẻ đẹp khổ thơ thứ nhất  - Phần 2: tiếp ...vui sướng 🡪 Vẻ đẹp khổ thơ thứ hai  - Phần 3: tiếp...của bà 🡪 Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài  - Phần 4: Còn lại🡪 Vẻ đẹp khổ cuối. |

**II. Đọc - Tìm hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm văn bản nghị luận văn học “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”; đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ “Tiếng gà trưa”, nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả Đinh Trọng Lạc.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm tại lớp, đại diện trình bày kết quả thảo luận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và Bản thuyết trình thảo luận nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1** (1) GV chia nhóm cặp đôi  (1) Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? (nằm ở nhan đề văn bản)  (2) Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? (Thể hiện khái quát vấn đề nghị luận)  (3) Bài thơ “Tiếng gà trưa” được tác giả phân tích theo trình tự nào?  (4) Mục đích của văn bản là gì?  (5) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào  **B2**. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả  **B3**. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**. Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức. | 1**. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản**  **a. Vấn đề nghị luận:** Đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ “Tiếng gà trưa”.  **b. Trình tự nghị luận:** Bám sát mạch cảm xúc bài thơ “Tiếng gà trưa”. Cảm xúc được bắt nguồn từ âm thanh tiếng gà khơi nguồn nỗi nhớ về tuổi thơ, kí ức về người bà; cảm xúc được tiếp nối bằng kỉ niệm và cảm xúc biết ơn, yêu kính bà; cuối cùng lắng đọng ở mục đích chiến đấu cao đẹp của người chiến sĩ ở khổ thơ cuối.  c. **Mục đích của văn bản:** Giúp người đọc hiểu được sự độc đáo nghệ thuật (ngôn từ, biện pháp tu từ, nhịp điệu) và nét đặc sắc nội dung (tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước) của bài thơ “Tiếng gà trưa”. Từ đó, văn bản khơi gợi và bồi dưỡng cho người người đọc tình yêu đối với tác phẩm văn chương và tình cảm gia đình cao quý,  **c. Phương pháp nghị luận:** để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy |

**Tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1** (1) GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm (gồm 6 bạn) để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3  - Thời gian: 10 phút  (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn  (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?  (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì?  **B2**. HS làm việc theo nhóm – sau đó đại diện nhóm báo cáo kết quả  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**. Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức  GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức  **GV phát vấn cá nhân HS, mở rộng, nâng cao kiến thức.**  (4) Trong văn bản, tác giả đã rất chú trọng phân tích hình thức nghệ thuật ( từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ) để làm nổi bật nội dung bài thơ. Em học hỏi được điều gì từ cách viết của tác giả để cảm nhận và phân tích vẻ đẹp của một bài thơ?  (5) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã đạt được mục đích của văn bản nghị luận văn học chưa? Vì sao?  → *GV mời HS trả lời. GV nhận xét, chốt kiến thức.* | **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng** \* Ý kiến 1: Vẻ đẹp của khổ thơ thứ nhất  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc độc đáo về lặp âm, dấu chấm lửng, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác | Khổ thơ thứ nhất là nguồn mạch cảm xúc của bài thơ, âm thanh tiếng gà khơi gợi nỗi nhớ về tuổi thơ, về bà kính yêu. | | **Dẫn chứng** | + Dòng thơ thứ tư “Cục..cục tác cục ta”: phép lặp âm, dấu chấm lửng + tác dụng..  + So sánh âm thanh “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh với âm thanh tiếng gà trong thơ Trần Đăng Khoa.  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác + tác dụng. | “Khổ thơ đầu kể chuyện anh bộ đội trên đường hành quân, khi dừng chân bên một xóm nhỏ, nghe tiếng gà nhảy ổ”... “Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm tuổi thơ”. |   ***\* Ý kiến 2: Vẻ đẹp của khổ thơ thứ hai***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật so sánh, đảo ngữ, kết hợp tự sự và miêu tả, kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng khiến lời thơ ấn tượng, góp phần thể hiện cảm xúc trong bài. Những kỉ niệm trở nên lung linh, hấp dẫn và sống động. | Tiếng gà trưa đã gợi về trong tâm hồn người cháu – người chiến sĩ những kỉ niệm tuổi thơ thiếu thốn, khó khăn sống bên bà những đong đầy niềm vui lấp lánh. | | **Dẫn chứng** | + Mỗi câu kể là một câu tả...  + Câu thơ kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng “này” để chỉ và người nghe lưu ý tưởng tượng  + So sánh, đảo ngữ làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp đẽ | “Tiếng gà trưa đã đưa anh chiến sĩ trở lại kỉ niệm về người bà tần tảo, suốt đời lo toan để người cháu được vui sướng”. |   ***\* Ý kiến 3: Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nét độc đáo về nhịp điệu chậm, buồn và cấu trúc để thể hiện cảm xúc mênh mang, mang nặng suy tư, chiêm nghiệm của người cháu khi nghĩ về bà, tình yêu thương của bà. | Sáu dòng thơ là những độc thoại trong tâm hồn người cháu, giàu chất suy tưởng khi người cháu nhận ra, suy ngẫm về tình yêu thương, sự tần tảo, lo lắng hi sinh của bà dành cho mình | | **Dẫn chứng** | + Sáu dòng thơ chỉ làm thành một câu đơn  + Mỗi dòng chỉ gồm năm tiếng nhưng có cách ngắt nhịp khác dòng kia. | “Nhịp điệu khổ thơ là nhịp điệu chậm rãi của độc thoại, bên trong đầy chất suy tưởng... Chi tiết nhỏ bé thế, đơn giản là thế mà chứa đựng một tình yêu thương sâu sắc, vô bờ bến của bà” |   ***\* Ý kiến 4: Vẻ đẹp của khổ thơ cuối: “Khổ thơ cuối là hay nhất, cảm động nhất”***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có lời độc thoại đầy cảm xúc của người chiến sĩ và điệp ngữ “Vì” | Khổ thơ cuối thể hiện những tình cảm cao đẹp nhất, mục đích chiến đấu của người chiến sĩ: vì tình yêu với bà, với xóm làng, với Tổ quốc và vì tình yêu với tuổi thơ, với tiếng gà bình yên mỗi sớm mai. | | **Dẫn chứng** | + Anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi cảm động, làm cho lời nói độc thoại bên trong hiển hiện như lời đối thoại sống động...  + Việc lặp lại từ “Vì” ở đầu các dòng thơ đã góp phần thể hiện... | + Khổ thơ cuối chứa đựng “những tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc và chân thành”  + Khổ thơ cuối thể hiện “ý chí chiến đấu mạnh mẽ vì Tổ quốc, vì nhân dân, những người thân yêu trong gia đình, người bà yêu quý với bao kỉ niệm tuổi thơ” |   ***→ Nhận xét: Lời văn giàu cảm xúc, bám sát đặc trưng văn bản thơ; lí lẽ và dẫn chứng giàu sức thuyết phục.*** |

Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc cặp đôi  (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về bài thơ “Tiếng gà trưa” đã học ở Bài 2?  **(2)** Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” đã bồi đắp tâm hồn em như thế nào?  **B2**. HS thảo luận nhóm đôi.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức. | **3. Giá trị nhận thức**  - Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được đặc sắc nghệ thuật và nội dung bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đã học ở Bài 2)  - Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” đã bồi đắp tâm hồn em về tình cảm gia đình, tình cảm bà cháu, tình yêu Tổ quốc, quê hương; tạo động lực để em tiếp tục học tập và cống hiến. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** GV hướng dẫn HS khái quát đặc sắc nghệ thuật và nội dung của văn bản.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, trình bày kết quả suy nghĩ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1** GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân.  *? Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc sắc nghệ thuật và nội dung của văn bản?*  *? Trình bày hiểu biết của em khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học?*  **B2**.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | **III. Tổng kết** 1. Nghệ thuật - Lí lẽ xác đáng, thuyết phục.  - Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.  - Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc.  **2. Nội dung**  Văn bản phân tích giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ “Tiếng gà trưa”.  **3. Những lưu ý khi đọc hiều văn bản nghị luận văn học**  - Xác định vấn đề nghị luận  - Xác định mục đích văn bản nghị luận  - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Chỉ rõ tác dụng của hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản.  - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này. |

**3. HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS: Có ý kiến cho rằng “Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” là một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục”. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao? Em hãy viết đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của mình.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài thực hiện viết bài.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời HS đọc bài, chấm chữa.

- GV mời HS khác nhận xét bài của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS, nhận xét, rút kinh nghiệm.

**4. HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Em hãy trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp một bài thơ em yêu thích.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.

**HS** tự chọn ngữ liệu, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** giao nhiệm vụ kiểm tra ở tiết học sau.

**HS** thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

GV kiểm tra vào tiết học hôm sau.

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Thực hành Tiếng Việt”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**BÀI 4: VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**TUẦN .....- TIẾT .....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM CHỦ VỊ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được các cách thực hiện mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ)

+ Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ

+ Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị

***2. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập.

**-** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.  *b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh xác định các thành phần câu và nêu vai trò của từng thành phần câu.  *c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Kết quả cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1.** GV đưa câu hỏi  1. Xác định thành phần chính trong câu văn sau:  *(a)* Xuân đã về.  *(b)* Mùa xuân tươi đẹp đã về.  2. Nhận xét về cấu tạo cấu tạo của CN câu b có gì đặc biệt?  **Bước 2**  + HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.  **Bước 3**  + HS trình bày.  + HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học  *Trong nhiều trường hợp chúng ta bắt gặp cụm chủ-vị làm một thành phần nào đó của câu hoặc một thành phần của cụm từ. Cách dùng như vậy gọi là mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ - vị. Để hiểu kĩ cách dùng này bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu..* | - HS xác định:  (a) Xuân/ đã về.  *CN VN*  (b) Mùa xuân/ tươi đẹp/ đã về.  *CN VN* |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  *a. Mục tiêu:*  *-* Các cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị.  - Vận dụng được kiến thức, kĩ năng mở rộng các thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.  *c. Sản phẩm:* Sơ đồ tư duy của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1:**  1. Xem lại phần chuẩn bị bài ở nhà, trao đổi với bạn bên cạnh (2 phút) thống nhất phần tìm hiểu các cách mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị.  **Bước 2:**  - HS trao đổi, thảo luận.  - Cử đại diện báo cáo kết quả.  **Bước 3:**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  ***Dự kiến SP:***  Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:  - Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ  - Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Kiến thức cơ bản**  Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:  - Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ  - Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ. |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  *a. Mục tiêu:*  - HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị.  *b. Nội dung:* Học sinh làm tập SGK/90-91.  *c. Sản phẩm:* Phần bài tập hs đã làm*.*  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1.**  **Bước 1:**  1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1(SGK/90)  2. GV phát phiếu bài tập, HS hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Vị ngữ là cụm động từ** | **Động từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ** | | **a** |  |  |  | | **b** |  |  |  |   **Bước 2:**  - Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo  **Bước 3:**  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - HS khác nhận xét và bổ sung.  **Bước 4:**  - GV đánh giá, nhận xét  - GV chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 2.**  **Bước 1:**  1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 2(SGK/90)  2. Hãy hoạt động nhóm đôi thống nhất đáp án bài tập 2 sau đó trình bày.  **Bước 2:**  - HS trao đổi, thảo luận.  - Cử đại diện báo cáo kết quả.  **Bước 3:**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV đánh giá, nhận xét  - GV chốt kiến thức:  **Nhiệm vụ 3: HS làm bài tập 3.**  **Bước 1:**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3.  - GV yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm bàn ( 3 phút) thực hiện các nhiệm vụ:  1. Tìm chủ ngữ là cụm danh từ  2. Xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi chủ ngữ đó.  **Bước 2:**  + HS thảo luận nhóm.  + Cử đại diện báo cáo.  **Bước 3:**  + Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập 4.**  **Bước 1:**  1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 4(SGK/91)  2. Hãy hoạt động nhóm đôi thống nhất đáp án bài tập 4 sau đó trình bày.  **Bước 2:**  - HS trao đổi, thảo luận.  - Cử đại diện báo cáo kết quả.  **Bước 3:**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4:**  - GV đánh giá, nhận xét  - GV chốt kiến thức: | **II. Thực hành:**  ***Bài tập 1***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Vị ngữ là cụm động từ** | **Động từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ** | | **a** | tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên | tưởng | mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên | | **b** | cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ | làm | kí ức ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ |   ***Bài tập 2***  a) nét mặt hầm hầm.  b) tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía...  **Bài tập 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Chủ ngữ là cụm danh từ** | **Danh từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm chủ vị trong chủ ngữ** | | a | Bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi | quần áo | má nuôi tôi vừa khâu cho tôi | | b | Chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc | chuyện | bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc |   **Bài tập 4**  a) trời mưa to  b) Câu nói nghĩa lí của con bé bảy tuổi hình như có một sức mạnh thần bí |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  *a. Mục tiêu:*  - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.  - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập 5SGK/91 và bài tập mở rộng.  *c. Sản phẩm:* Phần trình bày của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập mở rộng.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Gv yc hs hoạt động nhóm tham gia trò chơi: “Nhìn hình đặt câu”  Thể lệ: Gv chia lớp thành 3 nhóm, hs thảo luận nhóm theo 3 bước:  + Bước 1: Suy nghĩ độc lập: (1’).  + Bước 2: Chia sẻ với bạn bên cạnh: (1’).  + Bước 3: Thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.  Gv đưa 3 hình ảnh, hs đặt câu và dựa theo câu: tôi thấy ....  Bức tranh 1  Hình ảnh có liên quan  Bức tranh 2  Hình ảnh có liên quan  Bức tranh 3  Kết quả hình ảnh cho em bé dễ thương  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.   * Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.   **Nhiệm vụ 5: HS làm bài tập 5.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yc hs hoạt động cá nhân trong 5 phút và trả lời câu hỏi sau:  *Viết đoạn văn (Khoảng 5-7 dòng) trình bày suy nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học, trong đó có sử dụng ít nhất một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Trình bày kết quả.  - HS khác nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  Đoạn văn tham khảo  Văn bản “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa” là một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ “Tiếng gà trưa”, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của nhà thơ Xuân Quỳnh. Tác giả của văn bản - Đinh Trọng Lạc đã lần lượt phân tích nghệ thuật trong các khổ thơ. Sự ấn tượng của tôi dồn cả vào việc tác giả phân tích khổ thơ cuối. Ở khổ thơ cuối, anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi “Bà ơi” thật cảm động. Đó là tình cảm chất chứa lâu ngày nay được phát tiết. Việc Xuân Quỳnh để cho từ “Vì” ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần đã góp phần biểu hiện ý chí chiến đấu mạnh mẽ của người cháu - chiến sĩ. Đó là vì Tổ quốc, vì nhân dân mà trong đó bao gồm cả những người thân yêu trong gia đình, mà sâu sắc nhất là người bà với biết bao kỉ niệm tuổi thơ êm đẹp.  - Một vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "một văn bản nghị luận văn học đã phân tích những đặc sắc nghệ thuật và nội dung của bài thơ Tiếng gà trưa, giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về tác phẩm của Xuân Quỳnh.".  - Một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: "Việc Xuân Quỳnh để cho từ Vì ở đầu các dòng thơ lặp lại nhiều lần". | ***Bài tập 5:*** |

**\* Dặn dò**

- Ôn tập lại kiến thức về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị

- Hoàn thiện các bài tập trong phần luyện tập và vận dụng vào vở.

Chuẩn bị bài: *Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển*

- Đọc kĩ phần kiến thức Ngữ Văn trang 83.

- Đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK.

- Làm các phiếu học tập.

**BÀI 4.**

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**(NGHỊ LUẬN VĂN HỌC)**

**TUẦN.....TIẾT ....: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**SỨC HẤP DẪN CỦA TÁC PHẨM HAI VẠN DẶM DƯỚI ĐÁY BIỂN**

**\_\_Lê Phương Liên\_\_**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về năng lực:**

a. Năng lực chung.

- Biết tự học, tự chủ trong việc đọc - hiểu một văn bản nghị luận văn học , biết hợp tác và sáng tạo để tìm hiểu tư liệu về tác giả, tác phẩm, nhiệm vụ đặt ra trong bài học.

b. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học

- *Đọc hiểu nội dung:* Nhận biết được nội dung văn bản thể hiện: Sự sáng tạo và trí tưởng tượng của nhà văn Giuyn Véc-nơ trong các sáng tác của mình, khẳng định ông là nhà văn tiên phong trong thể loại khoa học viễn tưởng. Khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người

*- Đọc hiểu hình thức*: Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận ( ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của tác giả.

- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

***2. Về phẩm chất:***

**- *Chăm học, chăm làm****:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

**- *Trách nhiệm:*** Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1:** GV nhắc lại yêu cầu:  *Trong tiết trước, cô đã yêu cầu các em về nhà đọc trước cuốn truyện “Hai vạn dặm dưới đáy biển”. Một bạn hãy kể tóm tắt lại truyện.*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** HS nghe và trả lời  **Bước 3:**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học  **+ GV dẫn dắt**: Văn học cổ điển luôn có một sức lôi cuốn riêng của nó, và tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” cũng không ngoại lệ. Tác giả Jules Verne đã đưa ra nhiều ý tưởng đi trước thời đại về tàu ngầm, và cách mô tả đáy biển của ông khiến người đọc bị cuốn hút Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu một văn bản nghị luận về truyện này. |  |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1:** – GV hướng dẫn HS đọc văn bản. Cách đọc: to, rõ ràng, chú ý nhấn giọng ở những câu văn nêu dẫn chứng.  - GV giao nhiệm vụ nghiên cứu PHT số 1 ở tiết trước. Mời các nhóm xung phong thuyết trình kết quả.  *1. Em hãy giới thiệu những nét cơ bản về tác giả* Lê Phương Liên  *2.Em cho biết thể loại, phương thức biểu đạt của văn bản?*  3.Văn bản “Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển” viết về vấn đề gì?  *4.Có thể chia văn bản thành mấy phần và nội dung từng phần?*  **Bước 2:**  + HS trao đổi thảo luận và trả lời  **Bước 3:**  + HS đại diện trình bày sản phẩm thảo luận, HS khác bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bản | ***1. Tác giả***  Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” - Ngữ văn lớp 7 - Cánh diều (ảnh 1)  - Tác gải: Lê Phương Liên  - Sinh năm 1951  - Quê quán: Hà Nội.  - Từng là cô giáo dạy sau khi tốt nghiệp khoa Toán - Lý trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội.  - Tác phẩm: truyện vừa “*Những tia nắng đầu tiên”*và truyện ngắn “*Câu hỏi trẻ thơ”* là tác phẩm đầu tay. Bên cạnh đó còn có các tác phẩm: *Khi mùa xuân đến, Hoa dại, Bức tranh còn vẽ, Én nhỏ, Khúc hát hạnh phúc, Dòng thu, Cuộc phiêu lưu của chú rối Tễu, Khu vườn biết nói, Ký ức ánh sáng..*  - Bà đã được nhận nhiều giải thưởng như: Giải thưởng Trung ương Đoàn, Giải thưởng Bộ Giáo dục năm 1970 cho truyện ngắn Câu hỏi trẻ thơ, Huy chương Vì sự nghiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam năm 1997.  - Bà có rất nhiều những sáng tác đặc sắc dành cho thiếu nhi  ***2. Tác phẩm***  Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” - Ngữ văn lớp 7 - Cánh diều (ảnh 1)  **a. Thể loại:** Nghị luận văn học.  **b. Phương thức biểu đạt:** Nghị luận.  ***c. Bố cục:***  ***-*** Phần 1: Từ đầu ... kì lạ. Giới thiệu những nét đặc sắc của tác phẩm.  - Phần 2: Tiếp ...của tác giả. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc  - Phần 3: Tiếp ... tình người? Sự sáng tạo của Véc-nơ.  - Phần 4: Còn lại. Vị trí của Véc-nơ trên diễn đàn văn học thế giới. |

**II. Đọc – Tìm hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm văn bản nghị luận văn học “Sức hấp dẫn của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển*”; đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm “ Hai vạn dặm dưới đáy biển, nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả Lê Phương Liên

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và Bản thuyết trình thảo luận nhóm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1.** GV yêu cầu HS đọc phần (1) và trả lời các câu hỏi:  (1) Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? (nằm ở nhan đề văn bản)  (2) Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? (Thể hiện khái quát vấn đề nghị luận)  (3) Mục đích của văn bản là gì?  (4) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2.**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3.**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **1. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản**  **a. Vấn đề nghị luận:** Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển.  **b.** **Mục đích của văn bản:** Giúp người đọc hiểu thêm về các nhân vật, lối viết độc đáo của truyện. Đặc biệt, đó là thông điệp mà tác giả muốn truyền tải đến người đọc qua các tình huống truyện được dựng lên Từ đó người đọc thấy được sự hấp dẫn của tác phẩm  **c. Phương pháp nghị luận:** để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy |

**Tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm ( gồm 6 bạn) để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2  + Nhóm 1: Tìm hiểu phần 1  + Nhóm 2: Tìm hiểu phần 2  + Nhóm 3: Tìm hiểu phần 3  + Nhóm 4: Tìm hiểu phần 4  - Thời gian: 10 phút  (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn  (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?  (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì?  **B2**. HS làm việc theo nhóm – sau đó đại diện nhóm báo cáo kết quả  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức | **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng**  **\* Ý kiến 1. Giới thiệu tác phẩm**  - Đặc sắc của tác phẩm: có nhiều yếu tố li kì và có tính nhân văn.  - Tóm tắt: Câu chuyện về cuộc hành trình bất đắc dĩ của nhà nghiên cứu biển A-rôn-nác, Giáo sư Viện bảo tàng Pa-ri, cùng người cộng sự Công-xây và người thợ săn cá voi Nét Len sau khi đột nhiên bị rơi vào con tàu No-ti-lớt kì lạ.  => Phần mở đầu cung cấp cho người đọc những thông tin cơ bản nhất của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển*.  **\* Ý kiến 2. Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đặc sắc**  **-** Con người luôn luôn muốn tiến ra biển, muốn làm chủ biển cả và muốn chiếm lĩnh trọn vẹn tất cả các đại dương  + Hình ảnh thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện trong *Hai vạn dặm dưới đáy biển* là một con người bí ẩn gần như huyền thoại, chính là hình tượng anh hùng mang tư tưởng của tác giả Véc – nơ  + Thuyền trưởng Nê-mô là một con người vừa có trí tuệ, vừa có tính phiêu lưu, mạo hiểm.  + Đọc *Hai vạn dặm dưới đáy biển*, người đọc được chia sẻ khát vọng khám phá cuộc sống cả về nội tâm và ngoại cảnh với nhân vật tự sự, Giáo sư A -rôn-nác, có lẽ cũng chính là hiện thân của tác giả.  =>Tác giả xây dựng được những nhân vật mang những tính cách, hành động riêng biệt, có cá tính riêng, tạo sự thu hút, hấp dẫn cho tác phẩm.  **\* Ý kiến 3. Sự sáng tạo của Véc-nơ trong tác phẩm**  **-** Véc-nơ đã ghi dấu ấn vào lịch sử văn học thế giới chính là ở những sáng tạo mang tính khoa học viễn tưởng  + Những máy móc công nghệ hiện đại.  + Những dự cảm về không gian tận đáy biển xa xôi, nơi con người chưa đặt chân đến.  => Véc-nơ có vốn hiểu biết sâu rộng về địa lí thế giới, am hiểu cặn kẽ về kiến thức vật lí, toán học, sinh học, lịch sử, tự nhiên và xã hội... Chính những điều này đã tạo nên thành công cho tác phẩm của ông.  - Đặc sắc trong tác phẩm:  + Một lối kể chuyện hấp dẫn.  + Tình huống bất ngờ, nghẹt thở, đầy kịch tính.  + Giọng văn hài hước, dí dỏm, chan chứa tình cảm yêu thương con người.  => Tạo nên sức hấp dẫn trong mọi thời đại của tác phẩm.  - Giá trị nhân văn  + Ca ngợi sức mạnh của con người.  + Thể hiện sự hòa đồng giữa con người với biển cả: con người cần biển cả, yêu biển cả, hiểu về biển cả hơn như tìm hiểu bản thân mình.  + Thể hiện tình cảm giữa con người với con người.  => Tác phẩm mang những giá trị nhân văn sâu sắc, có giá trị mọi thời đại.  **\* Ý kiến 4. Vị trí của Véc-nơ trên diễn đàn văn học thế giới**  - Nhà văn tiên phong trong thể loại khoa học viễn tưởng.  - Thể hiện khát vọng chinh phục thế giới. |

**Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV -HS** | **Dự kiến kết quả** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc cặp đôi  (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về văn bản Bạch Tuộc (trích tiểu thuyết Hai vạn dặm dưới đáy biển) đã học ở Bài 3?  **B2**.HS chia sẻ phần ý kiến của mình với bạn bàn dưới  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | **3. Giá trị nhận thức**  Văn bản này giúp ta hiểu thêm về văn bản Bạch tuộc nó không chỉ là một câu chuyện phiêu lưu, mạo hiểm, mang lại cho ta những cảm xúc nhất thời, hơn hết nó mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc thể hiện khao khát muốn tìm hiểu, muốn sống chung với biển cả của nhân loại. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1.** GV đặt câu hỏi  *1. Rút ra nội dung và ý nghĩa của văn bản?*  *2. Nhận xét về nghệ thuật văn bản*  **Bước 2.**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ.  + HS trả lời từng câu hỏi  **Bước 3.**  + HS trình bày  + HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4.**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Văn bản cho người đọc hiểu hơn về nội dung, nhân vật, sự sáng tạo trong tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển. Qua đó, người đọc cũng hiểu rõ hơn về tác giả và vị trí của ông trên diễn đàn văn học thế giới.  ***2. Nghệ thuật***  *Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.*  *- Bố cục mạnh lạc, làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.*  **3. Những lưu ý khi đọc hiều văn bản nghị luận văn học**  - Xác định vấn đề nghị luận  - Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì?  - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?  - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và6 chính văn bản nghị luận này. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS: Hãy viết đoạn văn ( từ 5 – 7 dòng) về nhân vật thuyền trưởng Nê-mô, trong đó có sử dụng ít nhất một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài thực hiện viết bài.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời HS đọc bài, chấm chữa.

- GV mời HS khác nhận xét bài của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS, nhận xét, rút kinh nghiệm.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Em hãy trình bày suy nghĩ của em về sức hấp dẫn của một tác phẩm mà em đã học

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.

**HS** tự chọn ngữ liệu, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** giao nhiệm vụ kiểm tra ở tiết học sau.

**HS** thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

GV kiểm tra vào tiết học hôm sau.

**Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc phần định hướng, chuẩn bị trước bài “Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 7**

**Bài 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**TÊN TIẾT DẠY: VIẾT: VIẾT BÀI PHÂN TÍCH VỀ ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT**

Môn: Ngữ văn

Thời gian thực hiện:

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Dùng lời văn của bản thân để viết bài phân tích đặc điểm của một nhân vật trong tác phẩm văn học (đã học, đã đọc, đã nghe) đầy đủ bố cục 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

- Hiểu được các chi tiết, đặc điểm về nguồn gốc, gia đình, tính cách, con người và số phận hoặc tình huống... làm nên nét độc đáo, nổi bật của nhân vật, từ đó dùng lời văn của bản thân để phân tích, đánh giá về nhân vật văn học.

- Biết lựa chọn một số từ ngữ, cách đặt câu, tìm dẫn chứng, dùng lí lẽ để phân tích, đánh giá về nhân vật thông qua các đặc điểm đã được tác giả nói tới, kết hợp yếu tố tự sự, yếu tổ miêu tả, biểu cảm theo cảm nhận của mình.

- Tập trung trọng tâm vào các đặc điểm của nhân vật để đưa ra cái nhìn toàn diện và sâu sắc nhất, qua đó thấy được nét riêng độc đáo trong hình tượng nhân vật được phân tích.

***3. Về phẩm chất****:*

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**+ Phiếu học tập số 1:**

**PHIẾU TRUYỆN**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Đọc lại văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” và xác định các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng theo các gợi ý sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Ngoại hình: | ………………………………………………………..  ……………………………………………………….. |
| Xuất thân: | ……………………………………………………….  ………………………………………………………. |
| Hình dáng | ……………………………………………………….  ………………………………………………………. |
| Suy nghĩ, lời nói: | ………………………………………………………..  ……………………………………………………….. |
| Việc làm | ………………………………………………………..  ……………………………………………………….. |

\\\

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |
| --- |
| **1. Hoạt động 1: Khởi động**  **a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học  **b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Yêu cầu:** GV đưa ra câu hỏi phát vấn: Trong các tác phẩm văn học đã đọc, học hay nghe kể lại em thích nhất là nhân vật nào? Điều gì về nhân vật khiến em ấn tượng và yêu thích nhân vật ấy?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ  **Bước 4: Kết luận**  🡺**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Khi đọc một tác phẩm tự sự nào đó chắc hẳn mỗi chúng ta sẽ đều yêu thích, ấn tượng hoặc thậm trí có tình cảm rất sâu sắc đối với một nhân vật được tác giả xây dựng trong tác phẩm. Và hình ảnh của nhân vật ấy sống mãi trong lòng bạn đọc là nhờ tài năng của tác giả đã tạo ra những đặc điểm riêng biệt ấn tượng để nhân vật ấy có nét riêng khác biệt với các nhân vật khác. Vậy đặc điểm của nhân vật có ảnh hưởng như thế nào tới cách nhìn của người đọc về nhân vật ấy? Khi viết một bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật văn học ta cần khai thác các đặc điểm của nhân vật đã được xây dựng ra sao? Để trả lời câu hỏi đó tiết học này cô và các em cùng củng cố và phát triển kĩ năng viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học.  *b. Nội dung:* GV phát phiếu học tập số 1, HS trả lời vào phiếu học tập.  *c. Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh*  *d. Tổ chức thực hiện:* |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Hoạt động 1:Định hướng**  *a. Mục tiêu:*  **HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài văn phân tích đặc điểm nhân vật:**  - Dùng lời văn của mình.  - Biết cách lựa chọn từ ngữ, cách đặt câu;biết sử dụng dẫn chứng, lí lẽ để làm sáng toe vấn đề, biết đánh giá, nhận xét nhân vật dựa vào các đặc điểm mà tác giả đưa ra trong tác phẩm, thêm các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm để bài viết chặt chẽ, giàu cảm xúc hơn.  *b. Nội dung:*  **-** GV sử dụng KT động não để hỏi HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề.  - HS trả lời  *c. Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  Với đề bài: “Viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học” thì:  1. Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?  2. Khi viết bài phân tích đặc điểm nhân vật chúng ta cần lưu ý những điều gì? Cần dựa vào đâu để phân tích?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - HS dựa vào các gợi ý từ SGK để trả lời câu hỏi  - Trao đổi cặp đôi và thống nhất nội dung.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện học sinh của một vài cặp đôi trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm.  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục: Thực hành *viết bài phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Trích tiểu thuyết “Đất rừng Phương Nam” của Đoàn giỏi)* | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **1. Đề bài:**  Viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học.  **2. Các yêu cầu**  - Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, miêu tả, nêu lên nhận xét về những nét tiêu biểu của nhân vật trong tác phẩm như: lai lịch, hình dáng, tính cách, những suy nghĩ, lời nói, việc làm...  -Lựa chọn nhân vật sẽ phân tích trong tác phẩm vặn học và đọc kĩ tác phẩm viết về nhân vật đó.  - Ghi chép những đặc điểm của nhân vật đã được nói đến trong tác phẩm. Đưa ra đánh giá, suy nghĩ về nhân vật dựa trên những đặc điểm đó.  - Lập dàn ý và viết bài phân tích đặc điểm của nhân vật theo dàn ý đã lập. |
| **Hoạt động 2: Thực hành**  *a. Mục tiêu:* Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Tập trung vào các đặc điểm nổi bật làm nên số phận của nhân vật  - Lựa chọn một số từ ngữ để viết câu, viết đoạn, sử dụng dẫn chúng, lí lẽ hợp lí đưa ra các nhận xét, đánh giá về nhân vật một cách khách quan; bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm và tìm ý, lập dàn ý.  *b. Nội dung:*  **-** GV sử dụng phiếu học tập số 1, yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ trong phiếu.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời độc lập vào phiếu được phát.  *c. Sản phẩm:*  - Câu trả lời của học sinh.  - Phiếu học tập đã làm của HS.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  **1.** Yêu cầu HS đọc lại văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” của Đoàn Giỏi, tìm các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng và thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 1.  **2.** Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.  **3.** Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:  - Hướng dẫn học sinh đọc lại văn bản “Người đàn ông cô độc giữa rừng” của Đoàn Giỏi để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập, tìm ý và lập dàn ý.  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  - Sửa bài cho học sinh.  **Học sinh**:  - Hoàn thiện phiếu học tập số 1.  - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - **HS**:  + Trình bày sản phẩm của mình.  + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **II. THỰC HÀNH**  Đề bài: *Viết bài phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (Trích tiểu thuyết “Đất rừng Phương Nam” của Đoàn giỏi).*  **1. Chuẩn bị**  Hoàn thiện phiếu học tập số 1  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  **a. Tìm ý**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  **-** Đặc điểm của nhân vật Võ Tòng được khắc họa từ những đặc điểm nào? (Chỉ rõ qua các từ ngữ trong văn bản)  - Qua các đặc điểm ấy em thấy nhân vật Võ Tòng được khắc họa như thế nào?  -Nhân vật Võ Tòng để lại trong em những ấn tượng, tình cảm và suy nghĩ gì về con người Nam Bộ?  **b) Lập dàn ý**  **- Mở bài:** Giới khái quát về nhân vật Võ Tòng, tác giả, tác phẩm và vị trí đoạn trích được khai thác.  **- Thân bài:** Phân tích và làm sáng tỏ nhân vật Võ Tòng qua các phương diện:  + Lai lịch: Chú tên là gì, quê ở đâu cũng không rõ. Võ Tòng là tên mọi người gọi chú từ một sự tích trong truyện Tàu.  + Ngoại hình: Hai hố mắt sâu hoắm và từ trong đáy hố sâu thẳm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao;…  + Lời truyền tụng: Ra tù, Võ Tòng không trả thù kẻ phá hoại gia đình mình, chỉ ngửa mặt cười lớn rồi vào rừng làm nghề săn bẫy thú;…  + Hành động và việc làm:  - Nhận xét về nhân vật Võ Tòng: Trình bày những suy nghĩ, cảm xúc của em về các đặc điểm đã phân tích về chú Võ Tòng.  **-Kết bài**  - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật Võ Tòng (Đó là một con người như thế nào?)  - Liên hệ với những con người Nam Bộ bình thường, giản dị mà anh dũng, bất khuất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; từ đó rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay  **3. Viết bài**  - Dựa vào dàn ý đã làm, thực hành viết với những yêu cầu khác nhau:  + Luyện tập viết đoạn mở bài và kết bài  + Viết đoạn văn phân tích một đặc điểm nào đó của nhân vật Võ Tòng  + Viết đoạn văn phân tích toàn bộ các đặc điểm của nhân vật Võ Tòng  **4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết. |
| **Hoạt động 3:Trả bài**  *a. Mục tiêu:* Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  *b. Nội dung:*  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  *c. Sản phẩm:* Bài của học sinh đã chữa.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ.  - HS làm việc theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | **III. TRẢ BÀI** |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a. Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b. Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c. Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập: Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” của Tô Hoài)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Dựa vào các bước trong cách làm viết bài văn phân tích đặc điể của nhân vật văn học.  - Chú ý chuỗi sự kiện (mở đầu, phát triển, kết thúc), tìm các ý, lập dàn ý cho bài văn.  **HS**: Tìm các chi tiết, đặc điểm của nhân vật Dế Mèn qua đó đưa ra nhận xét, đánh giá về nhân vật.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét. | **Đề bài:** Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” của Tô Hoài)  **1. Bước 1: Chuẩn bị**  - Xem lại nội dung văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”  - Chú ý các đặc điểm của nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích  **2**.**Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **- HS tìm ý:**  **- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba đoạn gồm:**  + **Mở bài**: Nêu tên nhân vật, tác giả, tác phẩm vả đoạn trích.  + **Thân đoạn**:  **a. Vẻ đẹp ngoại hình của Dế Mèn** – Vẻ đẹp mạnh mẽ: bóng hơn, vuốt sắc, đầu nổi, răng đen tuyền. – Cử chỉ, vóc dáng: khuỵu chân, đạp phanh, toàn thân run khi đi, vuốt râu nghiêm nghị, nghiêm nghị. => Vẻ đẹp khỏe khoắn, trẻ trung, tràn đầy sức sống của chú dế mèn.  **b. Tính cách và thái độ của Dế Choắt** – Kiêu căng, tự phụ, không quan tâm đến người khác: mắng Dế Choắt. – Cử chỉ đắc ý, tự hào: phớt lờ Dế Choắt khi đòi đào tổ. – Coi thường người khác, xốc nổi: coi thường những người yếu đuối, vất vả mà sống không nổi. – Ngông cuồng, dại dột: trêu ghẹo chị cốc.  **c. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn** – Khoe với Dế Choắt là muốn trêu ghẹo chị Cốc, nhưng sau đó nó lẻn vào hang ẩn náu, chỉ sau khi chị Cóc bay đi mới dám ra khỏi hang. – Vô cùng ân hận khi Dế Choắt lại phải chịu những trò đùa của mình. – Trước cái chết thương tâm của Dế Mèn, em đã hiểu ra bài học không nên hiếu thắng, phải suy nghĩ trước khi hành động kẻo mang họa vào thân.  - Nhận xét về nhân vật Dế Mèn: Trình bày những suy nghĩ, cảm xúc của em về các đặc điểm đã phân tích về Dế Mèn.  + **Kết đoạn**: Đánh giá ý nghĩa của nhân vật Dế Mèn, rút ​​ra bài học nhận thức trong cuộc sống  **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn hoàn chỉnh phân tích đặc điểm của nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” của Tô Hoài). |
| **Nhiệm vụ 2: Trả bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài văn theo phiếu đánh giá gợi ý  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  +HS tự sửa lại bài văn để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +Tự kiểm tra lại bài văn của mình theo gợi ý của GV. | **4. Bước 4: Trả bài ( Kiểm tra, chỉnh sửa đoạn văn)** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a. Mục tiêu:* Phát triển năng lực phân tích, đánh giá về một nhân vật văn học trong chương trình sách giáo khoa đã được học.  *b. Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c. Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy phân tích đặc điểm về một nhân vật văn học mà em yêu thích trong chương trình sách giáo khoa đã được học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. |  |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà:** Học bài cũ, làm bài tập, chuẩn bị bài “Nói và nghe”.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN 7**

**Bài 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**TÊN TIẾT DẠY: NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

Môn: Ngữ văn

Thời gian thực hiện:

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói; tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe thảo luận nhóm về một vấn đề đã được học.

- Có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra nhận xét, góp ý cho bạn.

- HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

***3. Về phẩm chất****:*

- Tự tin thể hiện bản thân

- Biết lắng nghe

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III.Tiến trình dạy học**

**1.Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu: Nhắc lại những kiến thức thảo luận nhóm về một vấn đề đã được định hướng ở bài 3 (Trang 77)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

**Gợi ý:**

-Thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi là dùng hình thức nói (thuyết trình) đê trao đối, tranh luận về một vấn đề nào đó còn có ý kiến chưa thống nhất. Mục đích thảo luận là nêu lên những điểm thống nhất và khác biệt của các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.

-Để thực hiện thào luận nhóm về một vấn đề, các em cần chú ý:

* Lựa chọn được vấn đề gây tranh cãi (chưa thống nhất).
* Xác định các điểm đã thống nhất và các điểm còn khác biệt.
* Chuẩn bị ý kiến của cá nhân về các điểm chưa thống nhất.
* Chú ý đến thái độ, cử chỉ khi phát biểu, thảo luận.
* HS chia sẻ nhanh suy nghĩ về một bài phút (kĩ thuật trình bày 01 phút).

**Bước 4: Kết luận, nhận định. GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**.

Cuộc sống của chúng ta đôi khi trong một cuộc thảo luận nhóm sẽ xảy ra tranh luận, mâu thuẫn về một vấn đề nào đó. Thế nên, trước những vấn đề ấy, các em có thể phát biểu ý kiến, nêu lên suy nghĩ, nhận xét; sử dụng lí lẽ và dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ, đồng thời phải đưa ra được sự thống nhất trong nhóm khi tham gia thảo luận. Tiết học hôm nay sẽ tiếp tục giúp các em biết cách để thảo luận nhóm về một vấn đề.

**2. 1Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành**

**Hoạt động 1: Thực hành nói và nghe**

***Đề bài***: *Có người cho rằng, phân tích đặc điềm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng " (trích tiêu thuyết “Đất rừng phương Nam ”) cùa Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ẩy. Em sẽ nêu ý kiến như thế nào trong buổi thảo luận nhóm?*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI**  **a. Mục tiêu: N1- GQVĐ:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  **b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.  **c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ?**Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  **? Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?**  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập trình bày bài nói.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**    -Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).  -Xem lại nội dung đọc hiêu văn bàn *Người đàn ông cô độc giữa rừng* ở Bài 1 và các yêu cầu phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng đã nêu ở phần *Viết.*  -Tìm hiểu sự giống nhau và khác nhau giữa kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật.  -Xác định các điếm thống nhất và các điểm còn gây tranh cãi.  -Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với phần trình bày bài nói.  - Bổ sung tranh ảnh, video,.. (nếu cần):  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  **\*Tìm ý:**  **Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**  + Tìm ý cho bài nói qua việc đặt và trả lời các câu hỏi sau:  Kể lại câu chuyện về nhân vật là thế nào?  =>Kể lại câu chuyện là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến câu chuyện đã xảy ra, đồng thời không cần nhận xét về nhân vật.  Phân tích đặc điểm nhân vật là gì?  => Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như về: lai lịch, hình dáng, suy nghĩ, lời nói, việc làm... Qua các đặc điểm của nhân vật ta có thể thấy nêu lên nhận xét của người viết về nhân vật ấy.  Hai yêu cầu (kể lại và phân tích) có gì giống nhau và khác nhau?  => Giống nhau ở chỗ: Đều dựa vào các sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong văn bản để khai thác, sử dụng vào bài nói.  => Khác nhau nhau ở chỗ:  + Kể lại: cần khách quan. Không thêm bớt và không cần nếu nhận xét của người kể lại. Kể lại thuộc kiểu văn bản tự sự  + Phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói. Phân tích thuộc kiểu văn bản nghị luận.  Điểm nào cần trao đổi để thống nhất ý kiến?  - Khi phân tích đặc điểm nhân vật ta chỉ nên lựa chọn những chi tiết liên quan tới nhân vật ấy trong tác phẩm, không sử dụng các chi tiết không liên quan tới nhân vật.  -Không nên liệt kê và kể lại toàn bộ câu chuyện theo các sự kiện đã có, chỉ chọn lọc những đặc điểm để làm nổi bật nhân vật được phân tích.  - Khi kể lại ta không nên liệt kê các đặc điểm của nhân vật mà cần bám sát vào các sự kiện, sự việc đã được tác giả xây dựng.  \***Lập dàn ý:**  **Mở bài:** Nêu vấn dề: Việc kể lại câu chuyện về Võ Tòng và phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích *Người đàn ông cô độc giữa rừng* có gì giống nhau và khác nhau?  -Khẳng định ý kiến phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy là chưa chính xác.  **Thân bài:**  -Nêu tóm tắt yêu cầu của việc kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng:  +Kể lại câu chuyện là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến câu chuyện đã xảy ra, đồng thời không cần nhận xét về nhân vật Võ Tòng.  Ví dụ: Khi kể lại đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” ta cần bám sát vào diễn biến câu chuyện theo trình tự hợp lí đã được tác giả xây dựng:  - Kể lại việc tía nuôi dắt An đi thăm chú Võ Tòng tại nhà của chú.  - Quá khứ của chú Võ Tòng.  -Cuộc sống hiện tại của nhân vật Võ Tòng.  +Phân tích đặc điểm nhân vật: là giới thiệu mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, lời nói, việc là,…  - Nêu nhận xét của người viết về nhân vật Võ Tòng: *Võ Tòng là một người mộc mạc, giản dị, chân thành, cởi mở và yêu nước, căm thù giặc*. *Là người đàn ông khỏe mạnh, tính tình ngay thẳng, gan dạ và rất tự trọng...*  + Chỉ ra điểm giống và khác nhau của hai yêu cầu trên.   |  |  | | --- | --- | | Giống nhau | Đều dựa vào sự việc và chi tiết về nhân vật Võ Tòng trong văn bản | | Khác nhau | - Kể lại câu chuyện cần khách quan, không thêm bớt và không cần nêu nhận xét của người kể lại.  - Phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói.  - Kể lại thuộc kiểu văn bản tự sự còn phân tích nhân vật thuộc kiểu văn bản nghị luận |   **Kết bài:**  - Khẳng định lại những điểm giống và khác nhau giữa kể chuyện và phân tích nhân vật.  **3. Tự luyện tập và trình bày**  + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước ( trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)  + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  **4. Kiểm tra, chỉnh sửa.**  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | Giới thiệu được vấn đề: Có người cho rằng, phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Khẳng định quan điểm cá nhân. |  | | Em đã trình bày lần lượt: các lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề |  | | Em đã dùng ngôi thứ nhất để trình bày vấn đề. |  | | Em đã sử dụng giọng điệu, âm lượng, các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) hài hoà khi trình bày. |  | |
| **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**  **a. Mục tiêu: N1- GQVĐ:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  **b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.  **c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  **d. Tổ chức thực hiện.** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điến vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Lưu ý:   * GV có thể cho HS hoạt động theo cặp đôi, cùng xây dựng bài nói và cùng lên trình bày trước lớp (HS tự phân công các phần trong bài nói của cả 2) | **II. Thực hành nói và nghe** |
| **TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN LỚP VỀ BÀI NÓI**  **a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.  - Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .  **d. Tổ chức thực hiện.** | |
| **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  GV yêu cầu HS đánh giá bài nói của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá HĐ nói gắn với các tiêu chí.  **\* GV đặt thêm câu hỏi**:  + Với người nghe*: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  + Với người nói: *Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn.  - Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn.  **\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **III. Đánh giá, thảo luận**  \* **Bảng kiểm tra bài nói của bạn: Tham khảo phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí (phía dưới)**  \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Nắm và hiểu được ý chính của bài nói trình bày ý kiến của bạn |  | | -Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của bạn; điều em tâm đắc hay điều em muốn thay đổi trong bài nói của bạn. |  | | -Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày ý kiến. |  | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1. Giới thiệu được vấn đề trong tác phẩm tự chọn | Chưa có vấn đề để nói | Có giới thiệu vấn đề nhưng chưa gắn với vấn đề được đưa ra. | Giới thiệu ngắn gọn về yêu cầu của đề đưa ra và khẳng định được quan điểm cá nhân |
| 2. Vấn đề đưa ra thảo luận có nhiều ý kiến chưa thống nhất | Nôi dung sơ sài, chưa có lí lẽ, dẫn chứng để người nghe hiểu được nội dung vấn đề | Có lí lẽ, dẫn chứng để người nghe hiểu được nội dung vấn đề nhưng chưa hấp dẫn. | Lí lẽ sâu sắc, dẫn chứng phong phú, hấp dẫn, thuyết phục người nghe. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, chủ động thuyết trình | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần, phụ thuộc văn bản chuẩn bị sẵn | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu, chủ động thuyết trình | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng; chủ động thuyết trình |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**Bài nói tham khảo:**

Đề bài: *Có người cho rằng, phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Ý kiến của em thế nào? Hãy thảo luận nhóm về vấn đề đã nêu.*

|  |
| --- |
| **Chào hỏi, giới thiệu vấn đề bài nói:**  Xin chào các bạn, tôi là... học sinh lớp ...Hôm nay tôi ở đây để trình bày ý kiến của mình về nhận định sau. Có người cho rằng: Phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Theo ý kiến của cá nhân tôi thì ý kiến này chưa hoàn toàn chính xác.  Thứ nhất chúng ta cần hiểu thế nào là kể lại câu chuyện về nhân vật và phân tích đặc điểm nhân vật. Kể lại câu chuyện về nhân vật là dựa vào sự việc trong văn bản để kể lại diễn biến của câu chuyện đó, không cần nêu nhận xét về nhân vật, kể lại thuộc kiểu văn bản tự sự. Còn phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu mô tả những nét tiêu biểu của nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, lời nói, việc làm,…và nêu nhận xét của người viết về nhân vật đó, phân tích nhân vật thuộc kiểu văn bản nghị luận  Như vậy khi kể lại câu chuyện về nhân vật Võ Tòng, chúng ta chỉ cần kể lại diễn biến câu chuyện đó từ việc ông Hai đến thăm Võ Tòng, câu chuyện về quá khứ đáng thương của anh và cuộc sống cô độc hiện tại của anh ở căn lều giữa rừng U Minh. Còn khi phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng chúng ta cần chỉ ra lai lịch, xuất thân, hoàn cảnh số phận, tính cách và phẩm chất của Võ Tòng. Để từ đó trình bày những nhận xét , đánh giá của mình về nhân vật này.  Như vậy chúng ta có thể khẳng định ý kiến trên chưa thật sự đầy đủ. Mặc dù khi kể lại nhân vật hay phân tích nhân vật chúng ta đều cần dựa vào những sự việc và chi tiết cụ thể về nhân vật Võ Tòng ở trong văn bản. Tuy nhiên khi kể lại câu chuyện cần khách quan, không thêm bớt và không cần nêu nhận xét của người kể lại. Còn khi phân tích đặc điểm nhân vật cần có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của người nói.  Trên đây là những ý kiến và suy nghĩ của tôi về vấn đề đầu bài đặt ra. Rất mong sẽ nhận được những đóng góp của thầy cô và các bạn. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

**2. Nội dung:**

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**4. Tổ chức thực hiện**

**\* Nhiệm vụ: Đọc bài viết “** VỀ BÀI THƠ *ÔNG* ĐỒ CỦA VŨ ĐÌNH LIÊN”

(SGK/ 98) và trả lời các câu hỏi.

Đáp án:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| C | B | D | B | A | C | B | D | C |

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập: Đọc bài viết “** VỀ BÀI THƠ *ÔNG* ĐỒ CỦA VŨ ĐÌNH LIÊN”

(SGK/ 98) và trả lời các câu hỏi .

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

-Tổ chức báo cáo sản phẩm trên lớp.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:**

HS hiểu được kiến thức trong bài tập.

**2. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**3**. **Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**4. Tổ chứcthực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập về nhà)

**Bài tập:** Có ý kiến cho rằng bài thơ “ Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh chủ yếu nói lên tình yêu quê hướng đất nước của tác giả. Em sẽ nêu ý kiến như thế nào trong buổi thảo luận nhóm?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận vào buổi chiều hoặc tiết học sau.

- HS khác nhận xét, góp ý.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Tìm đọc một số bài phân tích các văn bản *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi), *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê), *Búp sen xanh* (Sơn Tùng), *Bố của Xi-mông* (Mô-pa-xăng), *Mẹ* (Đỗ Trung Lai), *Ồng đồ* (Vũ Đình Liên), *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh), *Hai vạn dặm dưới đáy biển* (Véc-nơ), *Người về từ Sao Hoả* (Uya),...
* Đọc một số bài nghị luận văn học và ghi lại những đoạn văn mà trong đó, tác giả phân tích cái hay, cái đẹp của các tác phẩm vãn học.
* Thử làm làm một video quay lại bài nói của mình và trao đổi với các bạn trong lớp.

- Hệ thống hoá kiến thức bài học bằng sơ đồ tư duy.

* **Chuẩn bị bài 5 : Văn bản thông tin**